



Centers for Disease Control and Prevention
CDC 24/7: Saving Lives, Protecting People™

Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)

DANH MỤC >

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Trang web này được cập nhật thường xuyên. Một số nội dung có thể còn bằng tiếng Anh cho đến khi được dịch hết.

Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Cập nhật ngày 29 tháng 7 năm
2020

[ln](#)

TỔNG SỐ CA BỆNH

4,339,997

59,862 Số ca bệnh mới*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

148,866

1.194 Ca Tử Vong Mới*

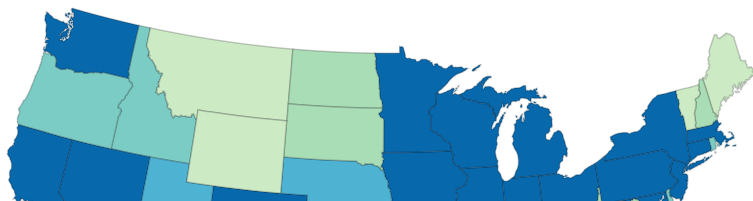
Quý vị muốn biết thêm dữ liệu?

Theo dõi dữ liệu COVID của CDC

Trang này được cập nhật hàng ngày dựa trên dữ liệu được xác nhận lúc 4:00 giờ chiều giờ miền Đông vào ngày hôm trước.

Số ca bệnh theo khu vực phân quyền

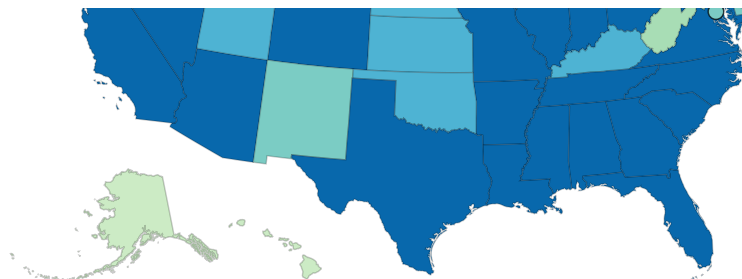
Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca bệnh được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

☐ 0 đến 1.000

☐ 1,001 đến 5,000



- ☐ 5,001 đến 10,000
- ☐ 10,001 đến 20,000
- ☐ 20,001 đến 40,000
- ☐ 40.001 trở lên

AS GU MH FM MP PW PR VI



Khu vực phân quyền

Khu vực phân quyền	Số ca bệnh đã xác nhận	Số ca bệnh có thể có	Tổng Số Ca
☐ Alabama	80,464	2,066	82,530
☐ Alaska	N/A	N/A	2,729
☐ American Samoa	N/A	N/A	0
☐ Arizona	165,934	0	165,934
☐ Arkansas	N/A	N/A	40,181
☐ California	N/A	N/A	466,550
☐ Colorado	42,149	3,165	45,314
☐ Connecticut	47,089	1,988	49,077
☐ Delaware	13,606	996	14,602
☐ Washington D.C.	N/A	N/A	11,945
☐ Florida	N/A	N/A	436,867
☐ Georgia	N/A	N/A	175,052
☐ Guam	N/A	N/A	351
☐ Hawaii	N/A	N/A	1,647
☐ Idaho	18,072	1,150	19,222
☐ Illinois	173,731	1,242	174,973
☐ Indiana	N/A	N/A	63,678
☐ Iowa	N/A	N/A	42,782
☐ Kansas	25,633	539	26,172
☐ Kentucky	26,656	1,470	28,126
☐ Louisiana	N/A	N/A	111,038
☐ Maine	3,457	409	3,866
☐ Marshall Islands	N/A	N/A	0
☐ Maryland	N/A	N/A	86,285
☐ Massachusetts	108,740	7,442	116,182
☐ Michigan	79,176	8,782	87,958
☐ Micronesia	N/A	N/A	0
☐ Minnesota	N/A	N/A	52,947
☐ Mississippi	55,046	758	55,804

☐ Missouri 	N/A	N/A	44,823
☐ Montana 	3,667	0	3,667
☐ Nebraska 	N/A	N/A	25,157
☐ Nevada 	N/A	N/A	45,151
☐ New Hampshire 	N/A	N/A	6,500
☐ New Jersey 	N/A	N/A	180,295
☐ New Mexico 	N/A	N/A	19,791
☐ New York 	N/A	N/A	188,629
☐ New York City 	221,220	4,630	225,850
☐ North Carolina 	N/A	N/A	116,087
☐ North Dakota 	N/A	N/A	6,227
☐ Northern Marianas 	40	0	40
☐ Ohio 	81,896	4,601	86,497
☐ Oklahoma 	32,679	2,311	34,990
☐ Oregon 	17,416	0	17,416
☐ Palau 	N/A	N/A	0
☐ Pennsylvania 	107,138	3,080	110,218
☐ Puerto Rico 	5,700	10,361	16,061
☐ Rhode Island 	N/A	N/A	18,725
☐ South Carolina 	83,720	389	84,109
☐ South Dakota 	N/A	N/A	8,492
☐ Tennessee 	97,966	1,078	99,044
☐ Texas 	N/A	N/A	394,265
☐ Utah 	39,015	322	39,337
☐ Vermont 	N/A	N/A	1,405
☐ Virgin Islands 	N/A	N/A	385
☐ Virginia 	84,700	3,293	87,993
☐ Washington 	N/A	N/A	54,205
☐ West Virginia 	6,033	140	6,173
☐ Wisconsin 	50,179	3,885	54,064
☐ Wyoming 	2,136	453	2,589

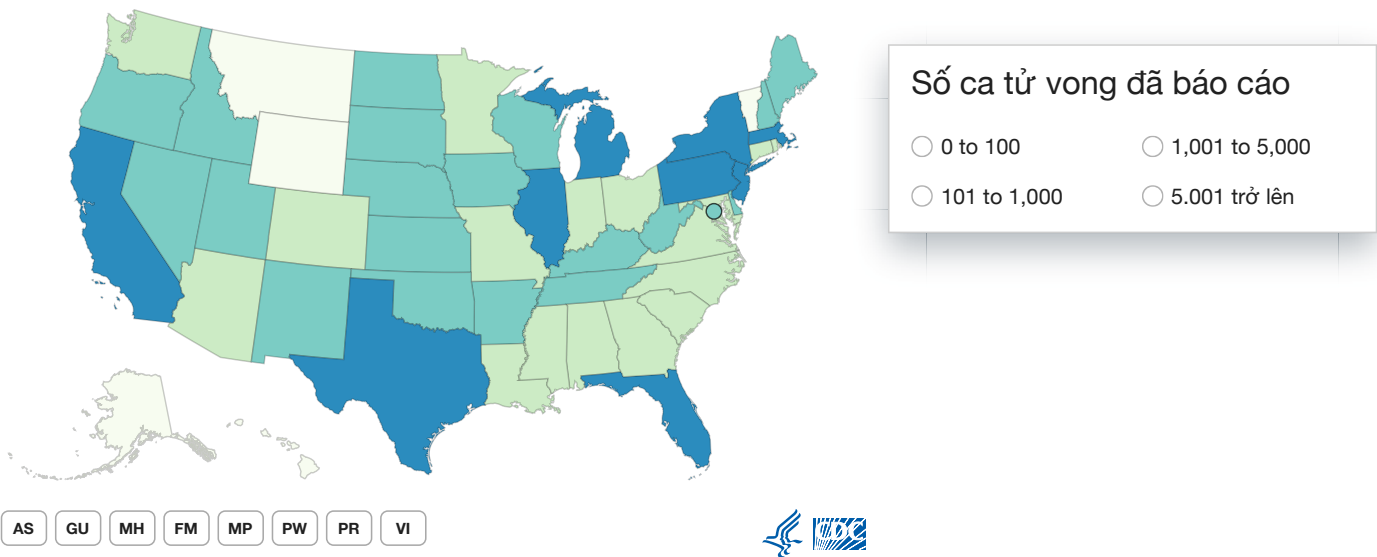
New York State's case and death counts do not include New York City's counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ vào Trang
Web của Quý Vị

Số ca tử vong theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca tử vong được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



Khu vực phân quyền			
Khu vực phân quyền	Số tử vong đã xác nhận	Số tử vong có thể có	Tổng số tử vong
☐ Alabama	1,451	42	1,493
☐ Alaska	N/A	N/A	22
☐ American Samoa	N/A	N/A	0
☐ Arizona	3,408	0	3,408
☐ Arkansas	N/A	N/A	428
☐ California	N/A	N/A	8,518
☐ Colorado	1,470	337	1,807
☐ Connecticut	3,541	882	4,423
☐ Delaware	511	70	581
☐ Washington D.C.	N/A	N/A	583
☐ Florida	N/A	N/A	6,117
☐ Georgia	N/A	N/A	3,563
☐ Guam	N/A	N/A	5
☐ Hawaii	N/A	N/A	26
☐ Idaho	139	21	160
☐ Illinois	7,446	192	7,638
☐ Indiana	2,725	199	2,924
☐ Iowa	N/A	N/A	839
☐ Kansas	N/A	N/A	335
☐ Kentucky	715	4	719

☐ Louisiana 	3,700	112	3,812
☐ Maine 	N/A	N/A	121
☐ Marshall Islands 	N/A	N/A	0
☐ Maryland 	3,347	131	3,478
☐ Massachusetts 	8,331	220	8,551
☐ Michigan 	6,170	251	6,421
☐ Micronesia 	N/A	N/A	0
☐ Minnesota 	1,589	40	1,629
☐ Mississippi 	1,524	39	1,563
☐ Missouri 	N/A	N/A	1,213
☐ Montana 	52	0	52
☐ Nebraska 	N/A	N/A	321
☐ Nevada 	N/A	N/A	785
☐ New Hampshire 	N/A	N/A	409
☐ New Jersey 	13,905	1,920	15,825
☐ New Mexico 	N/A	N/A	626
☐ New York 	N/A	N/A	8,826
☐ New York City 	18,887	4,625	23,512
☐ North Carolina 	N/A	N/A	1,820
☐ North Dakota 	N/A	N/A	102
☐ Northern Marianas 	2	0	2
☐ Ohio 	3,118	264	3,382
☐ Oklahoma 	503	0	503
☐ Oregon 	303	0	303
☐ Palau 	N/A	N/A	0
☐ Pennsylvania 	N/A	N/A	7,162
☐ Puerto Rico 	106	105	211
☐ Rhode Island 	N/A	N/A	1,005
☐ South Carolina 	1,505	60	1,565
☐ South Dakota 	123	0	123
☐ Tennessee 	962	37	999
☐ Texas 	N/A	N/A	5,877
☐ Utah 	292	0	292
☐ Vermont 	N/A	N/A	56
☐ Virgin Islands 	N/A	N/A	8
☐ Virginia 	2,020	105	2,125
☐ Washington 	N/A	N/A	1,548
☐ West Virginia 	N/A	N/A	111
☐ Wisconsin 	906	7	913

☐ Alabama	26	0	26
☐ Wyoming	26	0	26

New York State's case and death counts do not include New York City's counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ vào Trang Web của Quý Vị

Số ca bệnh và tử vong theo quận

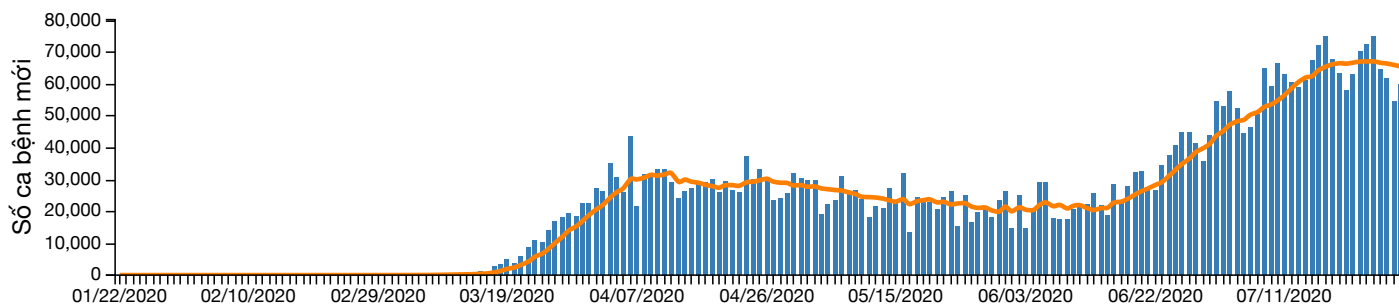
Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ [USAFacts.org](#)

Chọn một Tiểu Bang

Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây cho thấy số ca bệnh COVID-19 mới được báo cáo mỗi ngày ở Hoa Kỳ kể từ khi bắt đầu bùng phát. Di chuột qua các thanh để xem số ca bệnh mới theo ngày.



☐ Ca Bệnh ☐ Trung bình 7 ngày [Cài đặt lại](#)

Trung bình 7 ngày của các ca bệnh mới (ngày hiện tại + 6 ngày trước đó / 7) được tính toán để làm tròn các thay đổi dự kiến trong số đếm hàng ngày.

Xem dữ liệu

	01/22/2020	01/23/2020	01/24/2020	01/25/2020	01/26/2020	01/27/2020	01/28/2020	01/29/2020	01/30/2020
Ca Bệnh	1	0	1	0	3	0	0	0	
Trung bình 7 ngày	0	0	0	0	1	1	1	1	

[Cuộn để xem thông tin bổ sung](#)

Số ca bệnh và tử vong trong nhân viên chăm sóc y tế

Dữ liệu được thu thập từ 3.256.365 người, nhưng tình trạng nhân viên chăm sóc y tế chỉ có sẵn cho 705.627 (21,7%) người. Trong số 115.580 ca mắc COVID-19 trong lực lượng nhân viên chăm sóc y tế, số liệu tử vong chỉ có sẵn cho 77.685 (67,2%).

SỐ CA BỆNH TRONG LỰC LƯỢNG HCP

115.580

SỐ CA TỬ VONG TRONG LỰC LƯỢNG HCP

572

Dữ liệu trước đây

CDC đã chuyển các thông tin sau sang trang [Dữ liệu về số ca bệnh COVID-19 trước đây ở Hoa Kỳ](#).

- Cấp độ lây truyền cộng đồng theo khu vực phân quyền - cập nhật lần cuối ngày 18 tháng 5 năm 2020
- Tổng số ca bệnh theo ngày - cập nhật lần cuối ngày 28 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo nguồn phơi nhiễm - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo ngày bắt đầu bệnh - cập nhật lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2020

Thông Tin Thêm

[COVIDView - Tóm Tắt Giám Sát Hàng Tuần về Hoạt Động Ứng Phó COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Dữ Liệu Xét Nghiệm tại Hoa Kỳ](#)

[Bản Đồ Thế Giới](#)

[Sở Y Tế](#)

Cập nhật lần cuối ngày 25 tháng 7 năm 2020, 03:00 Chiều
Nguồn nội dung: [Trung Tâm Quốc Gia về Chứng Ngừa và Bệnh Hô Hấp \(NCIRD\)](#), [Phân Ban Bệnh Do Vi-rút](#)